

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Xuân Th ều
- Ông Nguyễn Văn Khoản

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980; HKTT: tổ 5, ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ tạm trú: tổ 6, khu phố 01, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Trần Thị Mầu, sinh năm 1977; HKTT: tổ 5, ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ tạm trú: tổ 6, khu phố 01, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị M, sinh năm: 1971; Địa chỉ: thôn 6, xã B, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị Mầu.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Kim Anh, sinh ngày: 07/5/2010 và Nguyễn Sinh Hùng, sinh ngày: 07/7/2011 cho bà Trần Thị Mâu trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0012580 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Th hành án dân sự thị xã C , tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).